

BẢN TIN TUẦN

“Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”

(Từ 31/10/2022 đến 06/11/2022)

I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần từ ngày 31/10/2022 đến 06/11/2022

1. Vị trí giám sát

TT	Tên vị trí lấy mẫu	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí lấy mẫu
1	Cổng Như Trác	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.
2	Cổng Hữu Bị	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.
3	Cổng Cốc Thành	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.
4	Cổng sông Chanh	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.
5	Cổng Nhâm Tràng	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.
6	Cổng Kinh Thanh	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm
7	Cổng Cổ Đàm	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đàm, tưới cho Huyện Ý Yên
8	Cổng Vĩnh Trị	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản
9	Đầu kênh T3	Kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành
10	Đầu kênh C9	Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên

TT	Tên vị trí lấy mẫu	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí lấy mẫu
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.
13	TB triệu Xá (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.
14	Đập La Chợ	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.
15	Đầu kênh S48	Kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.
16	Đập Vùa (CG12)	Kênh Vùa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kênh Kinh Thủy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Kênh C19	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện
20	Đầu kênh T6	Kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản

BẢN ĐỒ GIÁM SÁT CLN HỆ THỐNG CTTL BẮC NAM HÀ NĂM 2022



2. Thông tin lúc giám sát

Trong thời gian từ 31/10/2022 – 06/11/2022 không thực hiện giám sát

3. Kết quả đo đạc

Do không khảo sát nên không có kết quả để đánh giá, so sánh với tuần trước và cùng kỳ năm trước

II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 31/10/2022 đến 06/11/2022

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Dự báo tuần tới vùng Trung du và Đồng bằng Bắc bộ các trạm không mưa hoặc mưa không đáng kể, lượng mưa dao động từ 0-1mm.

Lượng mưa TB hiện tại tại Phủ Lý có xu thế tăng so với TBNN cùng thời kỳ, tại Nam Định có xu thế tăng.

Bảng 1: LƯỢNG MƯA TẠI MỘT SỐ TRẠM TRONG VÙNG

TT	Trạm	Tỉnh	Sông	Lượng mưa tuần trước (mm)	Lượng mưa lũy tích từ tháng VI/2021 (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/- %)			Dự báo lượng mưa từ 31/10 - 6/11 (mm)
						TBNN	2021	2020	
1	Nam Định	Nam Định	Đào	14,7	1934	+60	+11	+65	0,1
2	Phủ Lý	Hà Nam	Đáy	19,5	1880	+42	+14	+65	0,2

Bảng 2: NGUỒN NƯỚC TẠI CÔNG, TRẠM BƠM

TT	Tên công trình	Mức nước thiết kế (m)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Mức nước dự báo tuần tới: (m)			Ghi chú
				Dự báo MNTB so với TK (+/-: m)	Khả năng cấp nước của công trình (%)	Diện tích bảo đảm tưới (ha)	
1	TB. Như Trác	1,1	7512	0,1	100,0	7512	Giảm
2	TB. Hữu Bị	0,8	7501	0,3	100,0	7501	Giảm
3	TB. Cốc Thành	0,8	8536	0,2	100,0	8536	Giảm
4	TB. Cổ Đàm	0,8	9651	0,1	100,0	9651	Giảm
5	TB. Nhâm Tràng	0,9	4415	0,0	100,0	4415	Giảm
6	TB. Vĩnh Trị	0,8		0,1			Giảm

2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

DO								B1- QCVN08- 2015
Vị trí	Tuần dự báo							
	31/10	01/11	02/11	03/11	04/11	05/11	06/11	
Cổng Như Trác	6.367	6.367	6.367	6.367	6.367	6.367	6.367	≥ 4
Cổng Hữu Bị	5.435	5.285	5.216	5.176	5.149	5.128	5.111	≥ 4
Cổng Cốc Thành	4.747	4.745	4.743	4.742	4.742	4.741	4.741	≥ 4
Cổng sông Chanh	4.635	4.620	4.603	4.586	4.569	4.555	4.544	≥ 4
Cổng Nhâm Trảng	4.704	4.704	4.704	4.704	4.704	4.704	4.704	≥ 4
Cổng Kinh Thanh	6.115	6.100	6.085	6.071	6.059	6.049	6.041	≥ 4
Cổng Cổ Đàm	4.697	4.699	4.701	4.704	4.706	4.709	4.711	≥ 4
Cổng Vĩnh Trị	4.938	4.940	4.942	4.943	4.944	4.945	4.945	≥ 4
Đầu kênh T3	4.944	4.883	4.845	4.819	4.801	4.787	4.777	≥ 4
Đầu kênh C9	5.791	5.849	5.889	5.917	5.935	5.946	5.950	≥ 4
Cầu đường 10 với sông Sắt	5.056	5.127	5.174	5.198	5.205	5.203	5.196	≥ 4
Đập An Bài (sông Châu Giang)	6.059	6.047	6.042	6.040	6.040	6.041	6.041	≥ 4
TB triệu Xá (sông Châu Giang)	5.650	5.650	5.650	5.650	5.650	5.650	5.650	≥ 4
Đập La Chợ	6.329	6.250	6.156	6.065	5.983	5.910	5.845	≥ 4
Đầu kênh S48	5.020	5.020	5.020	5.020	5.020	5.020	5.020	≥ 4
Đập Vùa (CG12)	6.590	6.562	6.521	6.472	6.418	6.365	6.312	≥ 4
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	6.220	6.217	6.214	6.211	6.205	6.197	6.186	≥ 4
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	5.086	5.150	5.204	5.250	5.289	5.323	5.354	≥ 4
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	5.154	5.047	4.964	4.904	4.860	4.827	4.802	≥ 4
Đầu kênh T6	4.775	4.764	4.757	4.753	4.749	4.747	4.745	≥ 4

NO ₃ ⁻								B1- QCVN08- 2015
Vị trí	Tuần dự báo							
	31/10	01/11	02/11	03/11	04/11	05/11	06/11	
Cổng Như Trác	1.779	1.779	1.779	1.779	1.779	1.779	1.779	≤ 10
Cổng Hữu Bị	10.869	12.183	12.776	13.113	13.337	13.504	13.634	≤ 10
Cổng Cốc Thành	10.509	10.536	10.550	10.559	10.565	10.569	10.573	≤ 10
Cổng sông Chanh	15.454	15.766	16.056	16.321	16.548	16.730	16.873	≤ 10
Cổng Nhâm Trảng	2.904	2.904	2.904	2.904	2.904	2.904	2.904	≤ 10
Cổng Kinh Thanh	2.128	2.169	2.210	2.248	2.283	2.313	2.338	≤ 10
Cổng Cỏ Đam	4.303	4.298	4.292	4.286	4.280	4.276	4.274	≤ 10
Cổng Vĩnh Trị	5.004	5.003	5.001	5.000	5.001	5.003	5.007	≤ 10
Đầu kênh T3	7.873	8.567	8.975	9.241	9.428	9.565	9.670	≤ 10
Đầu kênh C9	2.860	2.776	2.728	2.713	2.731	2.779	2.852	≤ 10
Cầu đường 10 với sông Sắt	4.072	3.986	4.009	4.143	4.353	4.605	4.870	≤ 10
Đập An Bài (sông Châu Giang)	2.372	2.415	2.446	2.471	2.494	2.518	2.549	≤ 10
TB triệu Xá (sông Châu Giang)	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	≤ 10
Đập La Chợ	1.908	2.393	3.028	3.671	4.272	4.816	5.303	≤ 10
Đầu kênh S48	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	≤ 10
Đập Vùa (CG12)	1.268	1.388	1.624	1.935	2.276	2.625	2.971	≤ 10
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	2.046	2.070	2.092	2.121	2.164	2.225	2.306	≤ 10
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	4.020	3.889	3.775	3.688	3.646	3.659	3.724	≤ 10
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	5.264	6.619	7.600	8.288	8.778	9.133	9.396	≤ 10
Đầu kênh T6	10.122	10.262	10.336	10.382	10.414	10.437	10.454	≤ 10

BOD ₅								B1- QCVN08- 2015
Vị trí	Tuần dự báo							
	31/10	01/11	02/11	03/11	04/11	05/11	06/11	
Cổng Như Trác	11.513	11.513	11.513	11.513	11.513	11.513	11.513	≤ 15
Cổng Hữu Bị	12.690	13.503	13.886	14.115	14.277	14.404	14.508	≤ 15
Cổng Cốc Thành	20.741	20.764	20.777	20.786	20.792	20.797	20.801	≤ 15
Cổng sông Chanh	23.691	23.895	24.103	24.306	24.486	24.637	24.758	≤ 15
Cổng Nhâm Trảng	16.768	16.768	16.768	16.768	16.768	16.768	16.768	≤ 15
Cổng Kinh Thanh	8.907	9.054	9.202	9.343	9.471	9.582	9.674	≤ 15
Cổng Cổ Đàm	21.202	21.202	21.190	21.176	21.161	21.148	21.137	≤ 15
Cổng Vĩnh Trị	15.822	15.819	15.816	15.814	15.813	15.815	15.818	≤ 15
Đầu kênh T3	18.996	19.611	19.999	20.267	20.465	20.618	20.740	≤ 15
Đầu kênh C9	12.845	12.538	12.354	12.249	12.204	12.208	12.251	≤ 15
Cầu đường 10 với sông Sắt	16.181	16.029	15.999	16.097	16.283	16.513	16.758	≤ 15
Đập An Bài (sông Châu Giang)	11.184	11.367	11.508	11.620	11.716	11.804	11.892	≤ 15
TB triệu Xá (sông Châu Giang)	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	≤ 15
Đập La Chợ	8.766	9.312	9.947	10.563	11.127	11.635	12.090	≤ 15
Đầu kênh S48	15.700	15.700	15.700	15.700	15.700	15.700	15.700	≤ 15
Đập Vùa (CG12)	6.674	6.915	7.232	7.596	7.979	8.363	8.743	≤ 15
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	9.879	9.992	10.096	10.203	10.321	10.453	10.601	≤ 15
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	15.601	15.214	14.875	14.595	14.381	14.229	14.133	≤ 15
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	17.063	18.184	19.028	19.642	20.093	20.433	20.693	≤ 15
Đầu kênh T6	20.490	20.609	20.677	20.723	20.756	20.782	20.802	≤ 15

NH ₄ ⁺								B1- QCVN08- 2015
Vị trí	Tuần dự báo							
	31/10	01/11	02/11	03/11	04/11	05/11	06/11	
Cổng Như Trác	0.258	0.258	0.258	0.258	0.258	0.258	0.258	≤ 0,9
Cổng Hữu Bị	0.456	0.480	0.492	0.499	0.505	0.510	0.514	≤ 0,9
Cổng Cốc Thành	0.540	0.540	0.541	0.541	0.541	0.542	0.542	≤ 0,9
Cổng sông Chanh	0.672	0.679	0.687	0.694	0.700	0.705	0.708	≤ 0,9
Cổng Nhâm Trảng	0.373	0.373	0.373	0.373	0.373	0.373	0.373	≤ 0,9
Cổng Kinh Thanh	0.348	0.359	0.370	0.381	0.391	0.401	0.410	≤ 0,9
Cổng Cổ Đàm	0.463	0.462	0.461	0.460	0.459	0.459	0.458	≤ 0,9
Cổng Vĩnh Trị	0.335	0.334	0.334	0.333	0.333	0.333	0.332	≤ 0,9
Đầu kênh T3	0.526	0.546	0.560	0.571	0.579	0.586	0.592	≤ 0,9
Đầu kênh C9	0.744	0.728	0.720	0.717	0.717	0.719	0.723	≤ 0,9
Cầu đường 10 với sông Sắt	0.895	0.879	0.863	0.849	0.839	0.831	0.826	≤ 0,9
Đập An Bài (sông Châu Giang)	0.620	0.638	0.653	0.666	0.677	0.688	0.699	≤ 0,9
TB triệu Xá (sông Châu Giang)	0.740	0.740	0.740	0.740	0.740	0.740	0.740	≤ 0,9
Đập La Chợ	0.452	0.474	0.494	0.513	0.530	0.546	0.561	≤ 0,9
Đầu kênh S48	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	≤ 0,9
Đập Vùa (CG12)	0.316	0.334	0.353	0.374	0.395	0.416	0.436	≤ 0,9
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	0.528	0.541	0.552	0.564	0.576	0.588	0.601	≤ 0,9
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	0.592	0.577	0.562	0.549	0.537	0.527	0.518	≤ 0,9
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	0.513	0.547	0.572	0.591	0.606	0.618	0.627	≤ 0,9
Đầu kênh T6	0.538	0.542	0.544	0.546	0.547	0.548	0.549	≤ 0,9

Kết quả dự báo DO trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Kết quả dự báo NO_3^- trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ các vị trí Cống Hữu Bị, Cốc Thành, Sông Chanh, đầu kênh T6.

Các vị trí có hàm lượng BOD_5 trong kỳ dự báo vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT như Cốc Thành, Sông Chanh, Nhâm Tràng, Cốc Đam, Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu Đường 10, TB Triệu Xá, Đầu kênh S48, Cầu Yên Trung, Đầu kênh C19, Đầu kênh T6.

Vị trí có hàm lượng NH_4^+ trong kỳ dự báo vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT là Đầu kênh S48.

III. Các đề xuất, kiến nghị

1. Nhận xét

Chất lượng nước hệ thống Bắc Nam Hà trong thời đoạn dự báo có các vị trí vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT nhiều hơn tuần 22.

2. Đề xuất.

Đề nghị Công ty KTCTTL Bắc Nam Hà tiếp tục tận dụng triều để trao đổi nước sông và trong hệ thống, tăng cường vận hành các cống để đưa nước vào hệ thống.

3. Dự báo chung.

Với dự báo lượng mưa và mực nước như dự báo ở trên thì mức độ ô nhiễm chất lượng nước trong HTCTTL Bắc Nam Hà sẽ tăng. Hàm lượng các thông số như BOD_5 , NH_4^+ , NO_3^- sẽ có xu hướng tăng, hàm lượng Oxy hòa tan trong nước sẽ có xu hướng giảm./.

Nơi nhận:

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

- Tổng cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Thủy lợi Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.